

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+MRM	7:25	20+2	0+0		3+18	0+0	
2		TD2	7:25	14	0		16	0	aw189
3		PPD+MRM	9:25	22+0	0+0		0+20	0+0	
4		TD5+TD3	9:25	5+10	0+0		2+14	0+0	aw189
5		BK3+BK10+TD5	11:25	2+4+15	0+0+0		1+0+19	0+0+0	CHUYEN 1 BK3- BK10
6		TD3+P4	11:25	9+10	0+0		9+7	0+0	EC
7		T.UNG	11:25	10	0		12	0	aw189
8		P2+P8+AMD	13:25	12+6+3	0+0+0		5+0+0	0+0+0	
9		AMD	13:25	17	0		1	0	ec

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP3 - MRM	CREW: VTHANG - TTRUNG - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3420	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	VU QUANG HUNG	RP3	22-23	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TINH	RP3	13-14	2	15			78	CODIEN	Vietnamese
3	DO VIET LONG	RP3	11-12	2	17			59	CODIEN	Vietnamese
4	ĐINH MAI THIEN	RP3	19	1	11			73	CODIEN	Vietnamese
5	ĐANG VAN GIANG	RP3	15-16	2	20			71	CODIEN	Vietnamese
6	DO THANH TUNG	RP3	21	1	11	1	20	67	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN CANH KHOA	RP3	07-08	2	10	3	60	69	KHI	Vietnamese
8	TRAN BAO TOAN	RP3	09-10	2	11			82	KHI	Vietnamese
9	MAI NGOC CUONG	RP3	05-06	2	16			71	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HONG KHANH	RP3	03-04	2	14			65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	24-25	2	9			72	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐỨC	RP3	31	1	7			81	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DUNG	RP3	29-30	2	7			71	KHI	Vietnamese
14	VU MINH TRUNG	RP3	26	1	7			66	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LINH	RP3	18	1	7			76	KHI	Vietnamese
16	TRAN QUOC VIET	RP3	02	1	7			61	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOANG	RP3	27-28	2	13			69	KHI	Vietnamese
18	PHAN MINH TUNG	RP3	17	1	5			64	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THACH	RP3	20	1	8			56	PSV	Vietnamese
20	LE DAC NHA	RP3	01	1	6			61	PSV	Vietnamese
21	SEREBROV IGOR	MRM	45	1	10			77	VTB	Russian
22	SOSNIN DENIS	MRM	46	1	11			92	VTB	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.389	31	217	4	80	4		
2	MRM	2	169	2	21	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.558</b>	<b>33</b>	<b>238</b>	<b>4</b>	<b>80</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.558</b>		<b>238</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

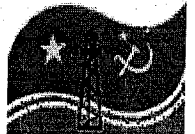
LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN THẮNG   
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 646	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD2	CREW: ATUÁN - ĐNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3445	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN HAI	TD2	64	1	2	2	6	88	KHOAN	Vietnamese
2	GONCHAROV SERGEY	TD2	58	1	9			100	KHOAN	Russian
3	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	55	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VĂN BÁC	TD2						76	KHOAN	Vietnamese
5	LY ANH TUẤN	TD2	54	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	57	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HÙNG HÙNG	TD2	59	1	5			97	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	TD2	65	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN SY HIỆU	TD2	53	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN HAI	TD2	56	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH TÍNH	TD2	60-61	2	15			53	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VĂN LỢI	TD2	62	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
13	VĂN ĐÌNH QUANG	TD2	68-70	3	11			64	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN HÙNG ANH	TD2	63	1	5			67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	14	1.049	16	94	2	6	16		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>1.049</b>	<b>16</b>	<b>94</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.049</b>		<b>94</b>		<b>6</b>			

GRAND TOAL: 1.149 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN  
NGUYỄN ĐỨC NAM





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:PPD - MRM	CREW: VTHANG - TTRUNG - THANH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM25/3421		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LUONG ANH VU	PPD	43	1	9	5	56	69	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG PHU	PPD	37	1	9			75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN THE HUY	PPD	36	1	15			74	CODIEN	Vietnamese
4	VU NGOC CANH	PPD	66-67	2	16			84	CODIEN	Vietnamese
5	LE THANH HIEU	PPD	61	1	9			73	CODIEN	Vietnamese
6	VUONG QUOC VIET	PPD	40	1	10			59	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG TUAN ANH	PPD	58	1	11			82	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VU HUNG	PPD	38	1	14	1	11	79	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC QUAN	PPD	59	1	11	3	55	78	CODIEN	Vietnamese
10	ĐO ĐỨC ANH	PPD	60	1	15			78	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THIEU	PPD	62	1	15			72	CODIEN	Vietnamese
12	VU THANH TUAN	PPD	44	1	10			88	KHI	Vietnamese
13	PHAM VAN THIEN	PPD	41	1	5			63	KHI	Vietnamese
14	ĐO HOANG THUẬN	PPD	42	1	5			59	KHI	Vietnamese
15	THAI DOAN VIET	PPD	53-54	2	19			69	KHI	Vietnamese
16	PHAM THANH TUNG	PPD	55-56	2	20			81	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN XUNG	PPD	51-52	2	12			64	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC LUU	PPD	34	1	3			74	PSV	Vietnamese
19	PHAM VAN GIANG	PPD	45	1	8			64	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	35	1	2			68	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NGHĨA	PPD	57	1	4			61	PSV	Vietnamese
22	LE HOAI NAM	PPD	33	1	4			59	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.573	26	226	9	122	0		
2	MRM	0	0	0	0	0	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.573</b>	<b>26</b>	<b>226</b>	<b>9</b>	<b>122</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.573</b>		<b>226</b>		<b>122</b>			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 646	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - TD3	CREW: ATUẤN - ĐNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3446	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	KARIMOV TAGIR G.	TD5	82	1	15	1	20	96	D-HANH	Russian
2	VU TRỌNG HẠCH	TD5	83	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	80	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	81	1	5			87	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	79	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
6	OLEINIK IVAN	TD3	80	1	3	1	20	71	KHOAN	Russian
7	HOANG MINH TOAN	TD3	39	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	38	1	8			105	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH THOẠI	TD3	42-43	2	12			91	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ QUỐC TRUNG	TD3	78-79	2	11			77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	44-45	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	40	1	2			58	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	81	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	41	1	5			89	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG HUY LONG	TD3	46	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD3	37	1	4			58	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	5	383	5	33	1	20	2		
2	TD3	11	818	14	71	1	20	14		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.201</b>	<b>19</b>	<b>104</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.201</b>		<b>104</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1,345 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN  
NGUYỄN ĐỨC NAM



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK3 - BK10 - TD5	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/3422	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN NINH	BK3	26	1	15	2	33	73	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	BK3	27-28	2	19			80	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ VĂN NGHI	BK10	39-40	2	14			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐẠI KHOA	BK10	37	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THANH	BK10	38	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUY	BK10	36	1	15	2	18	78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	98	1	7	1	7	68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN PHUNG QUÊ	TD5	97	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
9	HA QUỐC DUNG	TD5	86	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH SON	TD5	87	1	12			71	ANTOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN DỤC	TD5	89	1	8	5	123	64	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD5	85	1	9			69	ANTOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN QUÝ	TD5	90-91	2	9			75	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN VINH DUY	TD5	96	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CUƠNG	TD5	92	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TUẤN ANH	TD5						86	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VĂN LỢI	TD5	800	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
18	TẠ KIM VŨ	TD5	99	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THAI	TD5	93-94	2	20	1	8	81	SCHLUMBE	Vietnamese
20	HỒ VĂN ANH	TD5	95	1	10			75	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	2	153	3	34	2	33	1+		CHUYỂN 1 PAX BK3-BK10
2	BK10	4	292	5	53	2	18	0		
3	TD5	14	1:008	15	117	7	138	19		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.453</b>	<b>23</b>	<b>204</b>	<b>11</b>	<b>189</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.453</b>		<b>204</b>		<b>189</b>			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HƯNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: TD3 - P4	CREW: LTUÁN - CHIẾN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM25/3444		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD3	32	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
2	LUU QUANG ĐẠT	TD3	35	1	15	1	5	75	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM XUAN HAI	TD3	32-33	2	15			72	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG PHONG	TD3	29	1	10	1	14	67	CODIEN	Vietnamese
5	HOÀNG MINH TUẤN	TD3	34	1	18			77	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD3	26	1	6			69	DVL	Vietnamese
7	TRẦN BÀ ĐỨC	TD3	23-24	2	15			89	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỆU	TD3	28	1	13			86	DVL	Vietnamese
9	HỒ SY THANH	TD3	27	1	3			60	PSV	Vietnamese
10	ĐỖ QUỐC VŨ	P4	75-76	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
11	DUƠNG MINH HOANG	P4	74	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	P4	77-78	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN PHU NAM	P4	81	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
14	MAI VĂN MINH	P4	82	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KIM HƯƠNG	P4	85-86	2	14			57	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRẦN	P4	83	1	10	1	11	64	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN NAM	P4	79-80	2	18			81	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC TUẤN	P4	72-73	2	18			85	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	9	673	11	105	2	19	9		
2	P4	9	626	14	134	1	11	7		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.299</b>	<b>25</b>	<b>239</b>	<b>3</b>	<b>30</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.299</b>		<b>239</b>		<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.568 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐỖ VĂN CHIẾN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: P2 - P8 - AMD	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/3423	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN VIỆT	P2	08	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
2	NGÔ TRUNG KIẾN	P2	02-03	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TUẤN	P2	01,09	2	19			55	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN DŨNG	P2	79	1	11			74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TÀI	P2	40,92	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BẾN	P2	90-91	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
7	SHEREMETIEV A.V.	P2	87	1	9			80	D-HANH	Russian
8	LÊ TRỌNG TUYẾN	P2	05	1	9			60	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HOANG	P2	04	1	10			80	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	P2	88-89	2	10			79	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG PHÚ	P2	06	1	8			62	CODIEN	Vietnamese
12	VUÔNG ĐỨC TRỌNG	P2	07	1	5			75	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN TUẤN ANH	P8	40	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN THÔNG	P8	35	1	13	3	60	74	XAYLAP	Vietnamese
15	HA THAI QUỐC	P8	38-39	2	11			68	XAYLAP	Vietnamese
16	TÔNG VĂN ĐỨC	P8	34	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGÔ ANH QUỐC	P8	33	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN BA DUY	P8	36	1	6			63	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	01-02	2	15			62	KH-THAC	Vietnamese
20	DUƠNG MẠNH PHÚ	AMD	03	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	04	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	12	853	17	148	0	0	6		
2	P8	6	413	7	69	3	60	1		
3	AMD	3	213	4	37	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.479</b>	<b>28</b>	<b>254</b>	<b>3</b>	<b>60</b>	<b>7</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.479</b>		<b>254</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 14:30
B.CARD: VANG-4	TO: TD5 - AMD	CREW: LTUẤN - CHIẾN	ETA: 16:15
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/3448	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HUY KHANH	TD5				2	40	77	ANTOAN	Vietnamese
2	NGO TRI HUNG	AMD	57-58	2	13	1	15	61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VAN BAC	AMD	54	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HUU PHUOC	AMD	61-62	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRAI	AMD	53	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN GIAC UNG	AMD	52	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG PHUC PHI	AMD	55	1	10			70	HA VIỆT	Vietnamese
8	ĐẶNG THẾ ĐẠI	AMD	59	1	8			50	HA VIỆT	Vietnamese
9	NGUYỄN MẬU THÔNG	AMD	60	1	9			82	HA VIỆT	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN MẠNH	AMD	56	1	9			83	HA VIỆT	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	AMD	63	1	13			69	HA VIỆT	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LÊ	AMD	64	1	12			68	HA VIỆT	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆP	AMD	65	1	16			56	HA VIỆT	Vietnamese
14	TRẦN CAO TIỀN	AMD	66	1	11			60	TIỀN ĐIỆN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THANH	AMD	67	1	9			55	TIỀN ĐIỆN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN KIỀU	AMD	68	1	8			50	TIỀN ĐIỆN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TIỀN	AMD	49	1	8			59	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	50-51	2	7			66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	1	77	0	0	2	40	0		
2	AMD	17	1.123	20	172	1	15	1		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.200</b>	<b>20</b>	<b>172</b>	<b>3</b>	<b>55</b>	<b>1</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.200</b>		<b>172</b>		<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LUƠNG MẠNH TUẤN

ĐỖ VĂN CHIẾN